

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3343/SXD-HĐXD ngày 05/6/2020 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa.
2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa.
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác khám chữa bệnh cho bệnh nhân.
4. Địa điểm xây dựng: Tại Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa.
5. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu
 - 5.1. Cải tạo nâng cấp công trình nhà làm việc 04 tầng
 - Đục bỏ toàn bộ lớp trát tường trát lại bằng xi măng mác 75, lăn sơn trực tiếp theo đúng quy trình;

- Tháo dỡ toàn bộ lớp gạch lát nền hiện trạng, thay thế bằng gạch ceramic kích thước 400x400mm;
- Tháo dỡ toàn bộ cửa đi, cửa gỗ, vách kính; thay mới bằng cửa nhựa lõi thép gia cường kính dày 6,38mm;
- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng, thay bằng hệ thống điện, thiết bị điện mới;
- Thay mới toàn bộ hệ thống cấp thoát nước; thay mới thiết bị vệ sinh;
- Bóc đá ốp tam cấp sảnh chính, gạch ốp lát cầu thang bộ, thay bằng đá granit;
- Chống thấm khô màng và ốp lại toàn bộ gạch khu vệ sinh nam nữ bằng gạch men sứ 300x450mm; lát nền bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm;
- Vệ sinh, xử lý chống thấm mái sê nô bằng phương pháp khô màng;
- Đóng trần thạch cao tấm thả có kích thước 600x600mm khu vực sảnh, hành lang các tầng;
- Phá dỡ toàn bộ lớp vữa trát trần, dầm; trát lại bằng vữa xi măng mác 75, lăn sơn trực tiếp theo đúng quy trình (trừ trần hành lang, sảnh).

5.2. Cải tạo hạ tầng kỹ thuật phụ trợ:

- Cải tạo lại sân đường nội bộ diện tích khoảng 2.780m²; các lớp cấu tạo: tưới nhựa thấm bảm 1,5kg/m², thảm nhựa bê tông hạt trung dày 50mm, cấp phối đá dăm loại 1 dày 200mm, nền sân hiện trạng;
- Xây mới hệ thống rãnh thoát nước có tổng chiều dài 180m bằng gạch không nung dày 220mm, đáy rãnh đổ bê tông dày 15cm mác 200, nắp rãnh bằng tấm đan BTCT mác 250;
- Xây bù tường 220mm hệ thống bồn hoa cao thêm 250mm; đổ đất màu trồng hoa thêm 200mm;
- Vệ sinh, xây bù rãnh cao thêm 250mm bằng gạch không nung dày 220mm, có tổng chiều dài là 250m.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 7.937.952.000 đồng; trong đó:

- | | | | |
|-------------------------|---|---------------|-------|
| - Chi phí xây dựng | : | 6.638.991.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 198.083.350 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD | : | 628.999.171 | đồng; |
| - Chi phí khác | : | 93.880.427 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 377.997.697 | đồng. |

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh nguồn sự nghiệp y tế trong dự toán

ngân sách tỉnh năm 2020 hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng; phần chi phí còn lại do Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa đảm nhận từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện và nguồn tại Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

8. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thời gian thực hiện dự án: 02 năm (2020 - 2021).

10. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3343/SXD-HĐXD ngày 05/6/2020 nêu trên (nghiên cứu bổ sung thiết kế cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công trình). Khi thi công xây dựng xây dựng, yêu cầu phải có biện pháp kỹ thuật thi công được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho người, công trình, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX, CN.(M6.4)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Dự án: Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính : Đồng.

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		6.035.446.364	603.544.636	6.638.991.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	$(G_{XD} + G_{TB})^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	198.083.350		198.083.350
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD	Gtv		571.817.428	57.181.743	628.999.171
1	Chi phí kiểm định, đánh giá chất lượng công trình		Theo QĐ số 1613/QĐ-UBND ngày 09/5/2020	45.978.182	4.597.818	50.576.000
2	Chi phí khảo sát		Theo QĐ số 1613/QĐ-UBND ngày 09/5/2020	10.050.000	1.005.000	11.055.000
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 4,321\%$	260.791.637	26.079.164	286.870.801
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	15.571.452	1.557.145	17.128.597
5	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	15.088.616	1.508.862	16.597.478
6	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	26.073.128	2.607.313	28.680.441
7	Chi phí giám sát thi công XD		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	198.264.413	19.826.441	218.090.854
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		89.432.303	4.448.124	93.880.427
1	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	4.828.357	482.836	5.311.193
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật		TMĐT x 0,019%	1.498.944		1.498.944

3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$TMĐT \times 0,465\%$	36.684.673		36.684.673
4	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	6.035.446		6.035.446
5	Phí thẩm duyệt PCCC		Dự toán chi tiết	732.000		732.000
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		$G_{gs} \times 20\%$	39.652.883	3.965.288	43.618.171
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	GDP				377.997.697
1	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh		$(I+II+III+IV+V) \times 5\%$			377.997.697
	TỔNG CỘNG (làm tròn)					7.937.952.000